

Phụ lục 1:
DANH MỤC NHIỆM VỤ TẬP TRUNG TRIỂN KHAI TRONG 100 NGÀY
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND, ngày /7/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn	NV theo KH 05-KH/BCĐTW
I. THỂ CHẾ, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH						
1	Rà soát, lập danh mục quy định pháp luật mâu thuẫn, chồng chéo, cản trở chuyển đổi số thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; đề xuất phương án xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Trung ương, gửi Bộ Tư pháp	Sở Tư pháp	Sở KH&CN; các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Danh mục và phương án xử lý gửi Bộ Tư pháp; văn bản thuộc thẩm quyền tỉnh được sửa đổi	15/9/2026	NV 5
2	Triển khai các văn bản hướng dẫn thi hành luật về chuyển đổi số, luật dữ liệu, Nghị quyết phát triển công dân số, Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số theo đề nghị của bộ, ngành	Sở KH&CN; Công an tỉnh	Các cơ quan liên quan	Văn bản triển khai	Theo yêu cầu của bộ, ngành	NV 2
3	Rà soát, ban hành, cập nhật đồng bộ quy chế quản lý, vận hành, khai thác, chia sẻ dữ liệu và bảo đảm an ninh mạng đối với các hệ thống thông tin, nền tảng số của tỉnh (khối chính quyền)	Công an tỉnh	Sở KH&CN; các cơ quan chủ quản hệ thống	Bộ quy chế được ban hành; 100% hệ thống xác định rõ đơn vị chủ quản, đầu mối vận hành, đầu mối an ninh mạng	30/9/2026	NV 3, 4
II. HẠ TẦNG SỐ						
4	Rà soát, các điểm lỗi sóng tại trụ sở cơ quan nhà nước, cơ sở đào tạo, y tế	Sở KH&CN	Doanh nghiệp viễn thông;	Danh mục, các điểm lỗi sóng (nếu có); Báo cáo	30/7/2026	NV 9

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn	NV theo KH 05-KH/BCĐTW
	công lập; gửi Bộ KH&CN		UBND xã, phường; các cơ sở liên quan	khó khăn vướng mắc và giải pháp triển khai		
5	Rà soát, thống kê nhu cầu đầu tư, mua sắm, nâng cấp trang thiết bị đầu cuối, máy tính, phần mềm... ưu tiên phục vụ giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp, gửi Sở KH&CN	Các cơ quan, đơn vị; UBND xã, phường	Sở KH&CN	Báo cáo nhu cầu của từng cơ quan	25/7/2026	NV 11
6	Tổng hợp nhu cầu đầu tư, mua sắm, nâng cấp... toàn tỉnh, báo cáo UBND tỉnh và gửi Bộ KH&CN	Sở KH&CN	Sở Tài chính; các cơ quan, đơn vị	Báo cáo tổng hợp gửi Bộ KH&CN	30/7/2026	NV 11
7	Thực hiện mua sắm, nâng cấp trang thiết bị đầu cuối; các cơ quan hoàn thành mua sắm, bảo đảm 100% Trung tâm Phục vụ hành chính công, cán bộ giải quyết TTHC có thiết bị đạt yêu cầu	UBND xã, phường	Sở Tài chính; Sở KH&CN	Các cơ quan ở địa phương đảm bảo trang thiết bị đầu cuối cho Trung tâm phục vụ hành chính công và cán bộ công chức, viên chức liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính, đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác.	31/10/2026	NV 11
8	Kiểm kê 100% trung tâm dữ liệu, phòng máy chủ của các cơ quan trên địa bàn; đánh giá mức độ đáp ứng; xây dựng phương án chuyển dịch	Sở KH&CN	Văn phòng Tỉnh ủy; Công an tỉnh; các cơ quan có phòng	Báo cáo kiểm kê và phương án gửi Bộ KH&CN	15/10/2026	NV 12

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn	NV theo KH 05-KH/BCĐTW
	hoặc dùng hạ tầng nhỏ lẻ, kém hiệu quả		máy chủ			
9	Rà soát, phê duyệt cấp độ an toàn 100% hệ thống thông tin của tỉnh; cập nhật dữ liệu phục vụ Bản đồ cấp độ an ninh mạng quốc gia	Công an tỉnh; các cơ quan chủ quản hệ thống	Các sở, ngành và địa phương	100% hệ thống có hồ sơ cấp độ được phê duyệt, cập nhật lên bảng điều hành	30/9/2026	NV 13
10	Hoàn thành hồ sơ cấp độ, kiểm thử xâm nhập và đánh giá độc lập trước khi vận hành hoặc mở rộng	Các cơ quan chủ quản hệ thống	Công an tỉnh	Báo cáo kiểm thử, kế hoạch khắc phục lỗ hổng, phương án ứng cứu được phê duyệt	30/11/2026	NV 14
11	Kết nối các hệ thống quan trọng của tỉnh với đầu mối giám sát 24/7; chia sẻ thông tin giám sát an ninh mạng với Trung tâm An ninh mạng quốc gia (tối thiểu hệ thống cấp độ 3 trở lên); định kỳ kiểm tra tài khoản, phân quyền	Công an tỉnh	Sở KH&CN; Các cơ quan chủ quản hệ thống	Hoàn thành kết nối; báo cáo kiểm tra định kỳ	30/11/2026	NV 15
12	Phối hợp Bộ Công an kiểm tra, đánh giá hệ thống mạng gửi, nhận, xử lý văn bản mật khối Đảng của tỉnh; tham gia diễn tập liên khối về phòng, chống tấn công mạng	Công an tỉnh; Văn phòng Tỉnh ủy	Sở KH&CN; các cơ quan liên quan	Văn bản xác nhận đủ điều kiện vận hành; kết quả diễn tập	Theo kế hoạch của Bộ Công an	NV 16, 17
13	Hoàn thiện nâng cấp mạng nội bộ (LAN) đạt tiêu chuẩn ATTT cấp độ 2; rà soát, mua sắm bổ sung máy tính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã,		Hạ tầng mạng nội bộ (LAN) đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ 2;	30/9/2026	

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn	NV theo KH 05-KH/BCĐTW
	đảm bảo hoạt động của cán bộ công chức trên môi trường mạng	phường		cán bộ công chức, viên chức có đủ máy tính để làm việc		
III. DỮ LIỆU SỐ						
14	Cập nhật khung kiến trúc dữ liệu, khung quản trị dữ liệu và từ điển dữ liệu của tỉnh theo Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ	Công an tỉnh; Sở KH&CN	Các sở, ban, ngành	Khung kiến trúc, khung quản trị, từ điển dữ liệu của tỉnh được cập nhật ngay sau khi chính phủ có quyết định bổ sung	Theo cập nhật của Trung ương	NV 19
15	Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Công an tỉnh Các sở, ngành, địa phương	- Tổng 58.928 hồ sơ. - Đã đồng bộ 58.191. - Cần thực hiện: 748 hồ sơ và bổ sung theo yêu cầu mới của Bộ Nội vụ	30/9/2026	NV 23
16	Cơ sở dữ liệu đất đai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương	- Tổng số thửa đất trên CSDL đất đai của tỉnh (được thống kê trên phần mềm VBDLis) là khoảng 3.263.464 thửa đất. Kết quả cụ thể tiến độ đã thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai theo các nhóm: 1. Nhóm 1: thửa đất đã được xây dựng CSDL và dữ liệu đang được sử	30/11/2026	

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn	NV theo KH 05-KH/BCĐTW
				dụng và đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống”: 335.833 thửa đất (<i>số thửa đất đã được làm sạch</i>); 2. Nhóm 2: thửa đất đã được xây dựng CSDL nhưng dữ liệu cần làm đúng, làm đủ, bổ sung và xác thực thông tin của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất: 1.011.731 thửa đất (<i>số thửa đất cần làm sạch</i>); 3. Nhóm 3: thửa đất chưa xây dựng CSDL và thửa đất có dữ liệu nhưng không sử dụng được cần đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai: 1.915.900 thửa đất. - Yêu cầu thực hiện: + Làm sạch thêm 743.007 thửa đất (Nhóm 2).		

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn	NV theo KH 05-KH/BCĐTW
				+ Kết nối Kho dữ liệu tỉnh		
				+ Làm sạch thêm 268.724 thửa đất. (Nhóm 2).	31/12/2026	
17	Cơ sở dữ liệu hộ nghèo, cận nghèo	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương	- Sổ hộ nghèo 10.335, cận nghèo 12.134. - Đã cập nhật hộ nghèo 10.335, cận nghèo 12.134. - Yêu cầu: + Tiếp tục thực hiện rà soát, làm sạch, đối chiếu với dữ liệu của Bộ NNMT và cập nhật thường xuyên theo Quyết định của UBND tỉnh hằng năm. + Kết nối vào Kho dữ liệu tỉnh	30/11/2026	
18	Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa tỉnh (hy.check.net.vn)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương	- Đã thực hiện được 535 cơ sở, 1170 sản phẩm. - Yêu cầu: Thường xuyên cập nhật thông tin cơ sở, sản phẩm mới. + Kết nối tới Kho dữ liệu của tỉnh	Thường xuyên	
19	Hệ thống thông tin Quản lý giáo dục (CSDL ngành)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục	- Sổ cơ sở giáo dục 1.164, đã cập nhật 1.164. - Số cán bộ, giáo viên	30/09/2026	

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn	NV theo KH 05-KH/BCĐTW
				39.596, đã cập nhật 39.596 - Số học sinh, học viên 570.138, đã cập nhật 570.138. - Yêu cầu: + Cập nhật 100% cơ sở giáo dục, cán bộ, giáo viên và học sinh, học viên năm học mới 2026; + Kết nối tài Kho dữ liệu dùng chung, cổng dữ liệu mở tỉnh.		
20	Nền tảng học bạ số	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục	- Đã lập học bạ số cho 606.000 học sinh. - Yêu cầu: Lập học bạ số cho 100% học sinh các cấp (TH, THCS, THPT và GDTX) từ năm học mới 2026; Kết nối Kho dữ liệu tỉnh.	31/10/2026	
21	Dữ liệu văn bằng, chứng chỉ số	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục, đào tạo	- Đã hoàn thành số hóa 100% hồ sơ bằng tốt nghiệp THPT tỉnh Hưng Yên cũ từ năm 2012 trở về	30/11/2026	

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn	NV theo KH 05-KH/BCĐTW
				trước. - Yêu cầu: + Số hóa văn bằng THPT Hưng Yên cũ từ năm 2013 đến nay, Thái Bình cũ từ năm 2002 đến nay. + Kết nối vào Kho dữ liệu dùng chung tỉnh.		
22	Cơ sở dữ liệu về khám chữa bệnh (bệnh án điện tử)	Sở Y tế	Các cơ sở khám chữa bệnh	- Tổng số bệnh viện 54. - Đã có 54 thực hiện tạo lập bệnh án điện tử và kết nối CSDL; - Yêu cầu: + Tiếp tục tạo lập 100% bệnh án điện tử mới. + Kết nối 100% các phòng khám với cơ sở chữa bệnh; + Kết nối vào Kho dữ liệu tỉnh.	31/10/2026	
23	CSDL nền tảng sức khỏe điện tử	Sở Y tế	Các cơ sở khám chữa bệnh	- Tổng dân số 3.567.900 người. - Đã tạo lập 862.147 người. - Yêu cầu:	30/11/2026	

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn	NV theo KH 05-KH/BCĐTW
				+ Tạo lập thêm 2.175.960 người.		
				+ Tạo lập thêm 529.793.	31/12/2026	
24	Hệ thống thông tin sức khỏe bà mẹ và trẻ em/sức khỏe sinh sản	Sở Y tế	Các cơ sở y tế	- Tổng số 264 cơ sở. - Đã làm sạch 219 cơ sở - Yêu cầu: làm sạch tiếp 45 cơ sở	31/10/2026	
25	Cơ sở dữ liệu khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế	Sở Công thương	Ban quản lý các khu Công nghiệp; Ban quản lý các khu công nghiệp, Khu kinh tế	- Sổ khu công nghiệp 67. - Sổ cụm công nghiệp 115. - Sổ doanh nghiệp trong khu, cụm công nghiệp đã cập nhật 1195 doanh nghiệp, trong đó 855 doanh nghiệp trong KCN, 339 doanh nghiệp trong CCN. - Yêu cầu: + Cập nhật đầy đủ thông tin về 67 Khu, 115 Cụm, các doanh nghiệp trong khu, cụm công nghiệp. + Kết nối vào Kho dữ liệu tỉnh.	01/9/2026	
				+ Cập nhật tiến độ xây	Thường	

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn	NV theo KH 05-KH/BCĐTW
				dựng hạ tầng các Khu, Cụm và các dự án đầu tư trong Khu, Cụm.	xuyên	
26	Sàn thương mại điện tử	Sở Công thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Sổ chủ thể sản xuất sản phẩm OCOP: 324. - Đã cập nhật 25. - Yêu cầu: Cập nhật tiếp 299	30/11/2026	
27	Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Sở Tư pháp		- Đã cập nhật 600.000 hợp đồng - Yêu cầu: + Tiếp cập nhật hợp đồng phát sinh mới + Kết nối tới Kho dữ liệu của tỉnh	Thường xuyên	
28	Chuẩn hóa, đối soát, làm sạch dữ liệu thuộc phạm vi tỉnh phục vụ hoàn thiện 104 CSDL (Nghị quyết số 11/NQ-CP) theo yêu cầu của bộ, cơ quan chủ quản	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Các bộ, ngành trung ương phối hợp triển khai đến địa phương	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường căn cứ nhiệm vụ được giao tại Phụ lục 2 thực hiện theo yêu cầu của các bộ, ngành và đảm bảo đạt tối thiểu 80% dữ liệu đủ điều kiện được làm sạch, đồng bộ	Theo yêu cầu của các bộ, ngành đối với từng CSDL	NV 20, 21

IV. NỀN TẢNG SỐ

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn	NV theo KH 05-KH/BCĐTW
29	Phối hợp với Bộ Công an thực hiện nhiệm vụ hoàn thiện Cổng Dịch vụ công quốc gia và các Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các bộ, ngành, địa phương hoạt động thống nhất, thông suốt, ổn định; công khai giám sát theo thời gian thực về chất lượng dịch vụ và trải nghiệm người dùng gắn với trách nhiệm cụ thể của từng đơn vị giải quyết TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	Công an tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Hệ thống vận hành ổn định; lỗi được khắc phục	30/9/2026, duy trì liên tục	NV 30, 31
30	Triển khai đăng nhập một lần qua VNeID; tích hợp, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống dùng chung của tỉnh đủ điều kiện (bao gồm hệ thống khối Đảng đủ điều kiện)	Sở KH&CN; Công an tỉnh	Các cơ quan chủ quản hệ thống	Hoàn thành tích hợp đăng nhập một lần, liên thông dữ liệu	30/09/2026	NV 33, 34
31	Triển khai công cụ độc lập đánh giá mức độ sử dụng, thu thập phản hồi người dùng vào các nền tảng của tỉnh theo hướng dẫn của Bộ KH&CN	Sở KH&CN	Các cơ quan, đơn vị	Công cụ được tích hợp, có số liệu sử dụng, phản hồi sau khi Bộ KH&CN cung cấp cho địa phương	15/10/2026	NV 32
V. DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN						
32	Nâng cao kết quả theo Bộ chỉ số 766/QĐ-TTg: số hóa hồ sơ, cấp kết quả điện tử, thanh toán trực tuyến, tái sử dụng dữ liệu, xử lý đúng hạn; phấn đấu cải thiện thứ hạng của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Thứ hạng của tỉnh được cải thiện qua từng tháng	Thường xuyên	NV 35

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn	NV theo KH 05-KH/BCĐTW
	trên bảng xếp hạng hằng tháng					
33	Tái cấu trúc các TTHC thuộc danh mục 80 TTHC theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP có liên quan đến tỉnh; cập nhật quy trình điện tử, biểu mẫu	Các sở, ngành chủ quản TTHC	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tư pháp	Quy trình, biểu mẫu được cập nhật	Theo tiến độ bộ, ngành	NV 36
34	Phối hợp kết nối Hệ thống thông tin giải quyết TTHC với các CSDL đã công bố và các CSDL mới hoàn thành; tự động điền, xác thực và tái sử dụng dữ liệu	Văn phòng UBND	Công an tỉnh, Sở KH&CN; các sở ngành	100% TTHC đủ điều kiện khai thác dữ liệu từ CSDL	30/8/2026	NV 37
35	Lựa chọn, ban hành danh mục tối thiểu 05 TTHC tần suất cao để tái thiết kế quy trình theo hướng đơn giản hóa hồ sơ, giảm thao tác trên môi trường số; tổ chức thực hiện, kiểm thử, đánh giá hiệu quả	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND xã, phường có TTHC được chọn; Sở KH&CN	Danh mục ban hành trước 30/7/2026; báo cáo kết quả kiểm thử, đánh giá	30/09/2026	NV 38
VI. KINH TẾ SỐ						
36	Phối hợp Bộ Công Thương xây dựng thí điểm CSDL tập trung về thương mại điện tử; tăng cường quản lý hàng giả, gian lận thương mại trên môi trường số	Sở Công Thương	Sở KH&CN; Công an tỉnh; Thuế tỉnh; Hải quan	Văn bản phối hợp, cung cấp dữ liệu theo yêu cầu	Theo yêu cầu của Bộ Công Thương	NV 41
37	Xây dựng, công bố danh mục dữ liệu mở và dịch vụ dữ liệu của tỉnh có thể	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành chủ quản	Danh mục dữ liệu mở và dịch vụ dữ liệu của tỉnh	30/11/2026	NV 42

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn	NV theo KH 05-KH/BCĐTW
	khai thác an toàn;		dữ liệu;; doanh nghiệp, viện, trường	(khi đủ điều kiện)		
VII. XÃ HỘI SỐ						
38	Triển khai chuẩn dữ liệu học bạ điện tử, văn bằng, chứng chỉ số, mã định danh người học theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; sẵn sàng đăng ký tham gia thí điểm xác thực trên VNeID	Sở Giáo dục và Đào tạo	Công an tỉnh; UBND xã, phường; các cơ sở giáo dục	Dữ liệu ngành giáo dục được chuẩn hóa; văn bản đăng ký thí điểm	30/09/2026	NV 43
39	Triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên VNeID tại 100% cơ sở khám, chữa bệnh; chuẩn hóa, liên thông dữ liệu khám chữa bệnh, bảo hiểm	Sở Y tế	Bảo hiểm xã hội tỉnh; Công an tỉnh; các cơ sở y tế	100% cơ sở khám, chữa bệnh sử dụng Sổ sức khỏe điện tử ổn định	30/11/2026	NV 44
VIII. NGUỒN NHÂN LỰC						
40	Tổ chức cho cán bộ tham mưu, chuyên trách, vận hành hệ thống, giải quyết TTHC tham gia đào tạo về dữ liệu, an ninh mạng, trí tuệ nhân tạo trên Nền tảng Bình dân học vụ số; có kiểm tra kết quả đầu ra	Các cơ quan, đơn vị; UBND xã, phường	Sở KH&CN; Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; Sở Nội vụ	Tối thiểu 95% đối tượng hoàn thành, đạt yêu cầu; thống kê theo cơ quan, vị trí việc làm	31/10/2026	NV 46

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn	NV theo KH 05-KH/BCĐTW
41	Triển khai đầy đủ, kịp thời chính sách hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách chuyển đổi số, an ninh mạng theo Nghị định số 179/2025/NĐ-CP	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Công an tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	100% người đủ điều kiện được rà soát, lập danh sách, phê duyệt và thực hiện chế độ hỗ trợ theo quy định; các vướng mắc về hướng dẫn, thủ tục được xử lý	15/8/2026	NV 47
IX. TÀI CHÍNH, GIẢI NGÂN						
42	Giải ngân vốn đã bố trí từ đầu năm 2026 (đã giao: Chi thường xuyên 897.010 triệu đồng; Chi đầu tư 159.128 triệu đồng).			(1) Giải ngân kinh phí cho các nhiệm vụ về mua sắm trang thiết bị đầu cuối, nâng cấp hạ tầng số và đào tạo, tập huấn tuyên truyền phục vụ chuyển đổi số đối với kinh phí đã bố trí từ đầu năm 2026.	30/9/2025	NV 48 <i>(Chi tiết các nhiệm vụ trọng tâm về giải ngân theo Phụ lục 3)</i>
				(2) Giải ngân tối thiểu 85% kinh phí chi thường và 90% vốn đầu tư công đã giao.	30/11/2026	
				(3) Giải ngân 100% kinh phí đã giao.	31/12/2026	
43	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện lập dự toán các nhiệm vụ đã giao năm 2026	Các sở, ngành, địa phương	Sở Tài chính, Sở KHCN	Hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh phân bổ kinh	15/8/2026	

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn	NV theo KH 05-KH/BCĐTW
	nhưng chưa đủ điều kiện phân bổ kinh phí để triển khai thực hiện			phí		
44	Phân bổ vốn và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Quyết định số 2322/QĐ-UBND ngày 25/7/2026	Các sở, ngành, địa phương	Sở Tài chính, Sở KHCN	- Quyết định giao dự toán của các sở, ngành, địa phương;	05/8/2026	
				-Thực hiện giải ngân 100% vốn được giao	31/12/2026	
X. KỶ LUẬT THỰC THI						
45	Cập nhật tiến độ, minh chứng hằng tuần, hằng tháng trên Hệ thống theodoinq.dcs.vn;	Các cơ quan được giao nhiệm vụ	Sở KH&CN (đánh giá chuyên môn sản phẩm, minh chứng); Sở Nội vụ; các cơ quan liên quan	Báo cáo đầu kỳ trước 25/7/2026; báo cáo tuần, tháng; báo cáo tổng kết đầu tháng 12/2026	Hằng tuần, hằng tháng	NV 49, 50
46	Kiểm tra tiến độ thực hiện	Sở KH&CN	Sở KH&CN, Sở Nội vụ	Kiểm tra 100% sở, ngành có nhiệm vụ về dữ liệu và các địa phương giải ngân thấp	Trước 31/10/2026	
47	Đánh giá kết quả thực hiện	Sở Nội vụ	Công an tỉnh, Sở KH&CN và các sở ngành liên quan	Gắn đánh giá thực hiện vụ trong Kế hoạch này với đánh giá cán bộ, công chức theo quy định về đánh giá hiện nay, báo cáo UBND tỉnh quyết định.	Hằng quý	

